

I. MA TRẬN

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì II (Thực hiện chương trình từ tuần 19-25)
- Thời gian làm bài: 22,5 phút.
- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).
- Cấu trúc:
 - + Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng

Nội dung	Biết				Hiểu				Vận dụng				Tổng	
	NLC	Đ-S	TLN	TL	NLC	Đ-S	TLN	TL	NLC	Đ-S	TLN	TL	TN	TL
Bài 22: Mạch điện đơn giản					1 0,25								0,25	
Bài 23:Tác dụng của dòng điện	1 0,2	1 0,25										1 0,25	0,50	0,25
Bài 24:Cường độ dòng điện và hiệu điện thế	1 0,25đ				1 0,25								0,50	
Bài 26: Năng lượng nhiệt và nội năng			1 0,25			1 0,25						1 0. 5	0,5	0,5
Số câu Số điểm	2 0,25	1 0,25	1 0,25		2 0,50	1 0,25	1 0,25					2 0,75	4 1,75	2 0,75
Tổng điểm Tỉ lệ	1 40%				0,75 30%				0,75 30%				2.50 100%	

II. BẢN ĐẶC TẢ

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi (Số ý TL/số câu hỏi TN)				Câu hỏi (Câu số)			
			NLC	Đ-S	TL N	TL	NLC	Đ-S	TLN	TL
- Dòng điện, nguồn điện - Mạch điện đơn giản - Tác dụng của dòng điện - Cường độ dòng điện và hiệu điện thế - Thực hành đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế	Nhận biết	- Nhận biết được vật cách điện, vật dẫn điện.	1		1					
		- Biết được chiều dòng điện	1	1						
	Thông hiểu	- Hiểu được khi nào vật dẫn điện và tác dụng của dòng điện	1			1				
	Vận dụng	- Nhận biết được công dụng của cầu chì		1						
- Năng lượng nhiệt và nội năng	Nhận biết	- Biết chuyển động phân tử phụ thuộc nhiệt độ	1							
		- Biết được nội năng của vật là gì			1					

III. ĐỀ KIỂM TRA

A. TRẮC NGHIỆM: (1,75 điểm)

Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn.

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Vật nào dưới đây là vật cách điện?

- A. Một đoạn ruột bút chì
B. Một đoạn dây nhôm
C. Một đoạn dây thép
D. Một đoạn dây nhựa

Câu 2: Khi nhiệt độ của vật tăng lên thì

- A. Nội năng vật giảm
B. Động năng của các phân tử cấu tạo nên vật giảm
C. Động năng của các phân tử cấu tạo nên vật tăng
D. Thế năng của các phân tử cấu tạo nên vật tăng

Câu 3: Sự dẫn nhiệt chỉ có thể xảy ra giữa hai vật rắn khi:

- A. Hai vật có nhiệt năng khác nhau.
B. Hai vật có nhiệt độ khác nhau, tiếp xúc nhau
C. Hai vật có nhiệt độ khác nhau
D. Hai vật có nhiệt năng khác nhau, tiếp xúc nhau

Phần 2. Trắc nghiệm đúng – Sai.

Chọn phát biểu sau đây là: đúng/ sai?

Câu 4: Chiều dòng điện trong mạch điện kín được quy ước là chiều từ cực dương qua dây dẫn và các dụng cụ điện tới cực âm của nguồn điện?

- A. Đúng
B. Sai

Câu 5: Trong mạng điện của gia đình có sử dụng cầu chì được mắc song song với các thiết bị điện để bảo vệ các thiết bị điện.

- A. Đúng
B. Sai

Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn.

Điền từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống cho phù hợp.

Câu 6: Nội năng của một vật là của các phân tử cấu tạo nên vật.

Câu 7: Đứng gần một bếp lửa, ta cảm thấy nóng. Nhiệt lượng truyền từ ngọn lửa đến người bằng cách

B. TỰ LUẬN: (0,75đ)

Câu 8 (0,25đ): Vì sao khi trời mưa gió, không được lại gần dây điện rơi xuống mặt đường?

Câu 9 (0,5điểm):

Hãy nêu khái niệm năng lượng nhiệt?

III. HƯỚNG DẪN CHẤM:

A. TRẮC NGHIỆM (1,75 điểm)

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	D	C	B	A	B

Trả lời từ câu 6 đến câu 7. (Mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm
6	tổng động năng và thế năng
7	bức xạ nhiệt

B. TỰ LUẬN (0,75 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
Câu 8: (0,25 điểm)	Vì sao khi trời mưa gió, không được lại gần dây điện rơi xuống mặt đường. Vì: trong dây điện có dòng điện và khi trời mưa thì không khí ẩm có thể dẫn điện, nước mưa cũng dẫn điện làm cho mặt đường ngay tại nơi dây điện rơi có dòng điện. Hơn nữa cơ thể người là vật dẫn điện nên rất dễ bị điện truyền vào và bị điện giật nếu như không có đồ bảo hộ điện.	0,25
Câu 9 (0,5 điểm)	Nhiệt lượng mà vật có được nhờ chuyển động nhiệt được gọi là năng lượng nhiệt (gọi tắt là nhiệt năng)	0.5 đ

HẾT

TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ

KIỂM TRA KHTN 8 GIỮA HỌC KỲ II (HÓA)

Năm học 2024-2025. Thời gian 22,5 phút

MA TRẬN

Nội dung	Biết				Hiểu				Vận dụng				Tổng	
	Nhiều lựa chọn	Đúng-Sai	Trả lời ngắn	Tự luận	Nhiều lựa chọn	Đúng-Sai	Trả lời ngắn	Tự luận	Nhiều lựa chọn	Đúng-Sai	Trả lời ngắn	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận
1. Base			1c 0,5đ 5%			1c 0,25 2,5%							2 0,75 7,5%	
2. Oxide	1 0,25 2,5%		1c 0,25 2,5%		1c 0,25 2,5%		1c 0,25 2,5%					1c 0,75 7,5%	4 1,0 10%	1 0,75 0,75
Tổng số câu	1c 0,25đ		2c 0,75đ		1c 0,25đ	1c 0,25đ	1c 0,25đ					1c 0,75đ	6c 1,75đ	1c 0,75đ
Tổng số điểm	2,5 %		7,5%		2,5%	2,5%	2,5%					7,5%	17,5%	7,5%
Tỉ lệ điểm	1đ				0,75đ				0,75đ				2,5đ	

BẢNG ĐẶC TẢ

Nội dung	Biết				Hiểu				Vận dụng			
	Nhiều lựa chọn	Đúng-Sai	Trả lời ngắn	Tự luận	Nhiều lựa chọn	Đúng-Sai	Trả lời ngắn	Tự luận	Nhiều lựa chọn	Đúng-Sai	Trả lời ngắn	Tự luận
Base			Khái niệm base			Phân loại base						
Số câu Số điểm Tỉ lệ			1 0,5đ 5%			1 0,25đ 2,5%						
oxide	Khái niệm oxide		Oxide acid tác dụng với dd base		Công thức hóa học		Tính chất hóa học					Tính thể tích (đkc) oxide sinh ra.
Số câu Số điểm Tỉ lệ	1 0,25đ 2,5%		1 0,25 2,5%		1c 0,25đ 2,5%		1c 0,25đ 2,5%					1c 0,75đ 7,5%
Tổng số câu	1c 0,25đ		2c 0,75đ		1c 0,25đ	1c 0,25đ	1c 0,25đ					1c 0,75đ
Tổng số điểm	2,5 %		7,5%		2,5%	2,5%	2,5%					7,5%
Tỉ lệ điểm	3 câu-1đ-10%				3 câu 0,75đ-7,5%				1 câu 0,75đ-7,5%			

TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ

Họ và tên:
Lớp: 8A....

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II. NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8 (HÓA)

Thời gian: 22,5 phút

KIỂM TRA GIỮA KỲ II – KHTN8 (SINH)

A- MA TRẬN

- Thời gian làm bài: 45 phút.

- Hình thức kiểm tra: 70% trắc nghiệm, 30% tự luận.

- Cấu trúc-Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

NỘI DUNG	BIẾT				HIỂU				VẬN DỤNG				TỔNG SỐ CÂU	
	Nhiều lựa chọn	Đúng /Sai	Điền khuyết	Tự luận	Nhiều lựa chọn	Đúng /Sai	Điền khuyết	Tự luận	Nhiều lựa chọn	Đúng /Sai	Điền khuyết	Tự luận	TN	TL
Bài 35: Hệ bài tiết ở người (3t)	0,25						0,25					1,0	2	1,0
Bài 36. Điều hoà môi trường trong của cơ thể người (1t)			0,25		0,25								2	
Bài 37. Hệ thần kinh và các giác quan ở người (2t)	0,25			0,5						0,25			2	1
Bài 38. Hệ nội tiết ở người (2t)		0,5				0,25			0,25				4	
Bài 39. Da và điều hoà thân nhiệt ở người (2t)			0,25		0,5		0,25						4	
Số câu	2	2	2	1	3	1	2		1	1		1	14	2
Số điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,75	0,25	0,5		0,25	0,25		1,0	7,0	1,5
Tỉ lệ %	5	5	5	5	7,5	2,5	5		2,5	2,5		10	70	30
Tổng điểm	2,0				1,5				1,5				5,0	
Tỉ lệ %	20%				15%				15%				50%	

B- ĐỀ KIỂM TRA

I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (1,5 đ)

Câu 1. Cận thị là

- A. tật mà hai mắt nằm quá gần nhau.
- B. tật mà mắt không có khả năng nhìn gần.
- C. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần.
- D. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn xa.

Câu 2. Sản phẩm bài tiết của thận là gì ?

- A. Nước mắt.
- B. Nước tiểu.
- C. Phân.
- D. Mồ hôi.

Câu 3: Loại cơ nào dưới đây không tham gia vào hoạt động đào thải nước tiểu ?

- A. Cơ vòng ống đái.
- B. Cơ lưng xô
- C. Cơ bóng đái.
- D. Cơ bụng

Câu 4. Lớp nào nằm ngoài cùng, tiếp xúc với môi trường trong cấu trúc của da?

- A. Lớp mỡ dưới da
- C. Lớp mạch máu
- B. Lớp biểu bì
- D. Lớp bì

Câu 5. Môi trường trong cơ thể có vai trò chính là gì?

- A. Giúp tế bào thường xuyên trao đổi chất với môi trường ngoài.
- B. Giúp tế bào có hình dạng ổn định
- C. Giúp tế bào không bị xâm nhập bởi các tác nhân gây hại
- D. Sinh tổng hợp các chất cần thiết cho tế bào

Câu 6, Nhóm nào dưới đây gồm hai loại hoocmôn có tác dụng sinh lý trái ngược nhau ?

- A. Insulin và canxitônin.
- B. Ôxitôxin và tirôxin
- C. Insulin và glucagon.
- D. Insulin và tirôxin

II. Trắc nghiệm đúng sai (1đ).

Trong mỗi câu học sinh chọn đúng Đ hoặc sai S vào cuối câu.

Câu 7. Trong cơ thể người, tuyến yên là tuyến nội tiết mà hormone do chúng tiết ra có tác động đến hầu hết các tuyến nội tiết khác.

Câu 8. Iodine là thành phần không thể thiếu trong hormone Glucagon.

Câu 9. Người thực vật hệ thần kinh không còn hoạt động.

Câu 10. Bệnh tiểu đường là do thiếu iodine.

III. Trắc nghiệm trả lời ngắn (1 đ)

Câu 11.

- a. Môi trường trong cơ thể người gồm mấy thành phần chính?.....
- b. Da sạch có khả năng diệt bao nhiêu % vi khuẩn bám trên da?.....%
- c. Sản phẩm bài tiết của thận là gì?.....
- d. Tuyến mồ hôi nằm ở lớp nào của da?.....

IV. Tự luận (1,5 đ)

Câu 12. Kể tên một số bệnh thường mắc ở hệ bài tiết, từ đó đề xuất biện pháp bảo vệ hệ bài tiết? (1 đ)

Câu 13. Trình bày cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh? (0,5 đ)

C- HƯỚNG DẪN CHẤM

I, Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (0,25 đ/câu)

Câu số	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	A	D	A	C

II, Trắc nghiệm đúng sai (0,25 đ/câu)

Câu 7. Đúng

Câu 8. Sai

Câu 9. Sai

Câu 10 Sai

III, Trắc nghiệm trả lời ngắn (0,25 đ/câu)

- a. 3 thành phần.
- b. 85%
- c. Nước tiểu.
- d. Lớp bì.

IV, Tự luận

Câu 12

- Một số bệnh thường mắc ở hệ bài tiết: bệnh sỏi thận, bệnh viêm cầu thận, bệnh suy thận. 0,25 đ

- Đề xuất biện pháp bảo vệ hệ bài tiết:

+ Ăn, uống hợp lý đầy đủ chất. 0,25 đ

+ Vệ sinh cơ thể đặc biệt là vệ sinh hệ bài tiết sạch sẽ thường xuyên. 0,25 đ

+ Không nên nhịn tiểu quá lâu. 0,25 đ

Câu 13 - Cấu tạo hệ thần kinh gồm bộ phận trung ương (não và tủy sống) và bộ phận ngoại biên (dây thần kinh và hạch thần kinh) 0,25 đ

- Chức năng: điều khiển, điều hòa, phối hợp hoạt động các cơ quan trong cơ thể. 0,25 đ